

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DSST

Ngày 25 - 11- 2021

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Xuân Sơn**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Tiến Phúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST – DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST- DS ngày 05/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST - DS ngày 12/11/2021, giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn: Ông Cấn Văn H**, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T (nay là Thôn 3), xã Ph, huyện P, TP Hà Nội.

***/ Bị đơn: Ông Đỗ Văn S**, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Bà Khuất Thị L, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph. H, huyện P, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Theo đơn khởi kiện và các bản khai của các bên, vụ án có nội dung như sau:**

Ông Cấn Văn H có cửa hàng kinh doanh hàng hóa thức ăn gia súc, gia cầm tại thôn T (nay là Thôn 3), xã Ph, huyện P và có bán cám chăn nuôi cho ông Đỗ Văn S, bà Khuất Thị L ở Thôn 2, xã Ph. H. Từ năm 2016 đến năm 2018, ông Cấn Văn H đã bán cám cho vợ chồng ông S và bà L nhiều đợt, mỗi lần mua bán thì ông H có ghi sổ, chốt số tiền và gia đình ông S ký tên. Khi thì ông S, khi thì bà L và khi thì là anh Đỗ Văn Th con ông S, bà L ký nhận, cụ thể:

Từ ngày 15/12/2016 đến 19/4/2017 tổng cộng tiền cám nợ là 46.345.000đ. Ngày 24/4/2017, ông S trả 7.045.000đ và còn nợ lại 39.300.000đ;

Từ ngày 25/4 đến ngày 02/5/2017, ông S mua tiếp số cám thành tiền là 7.465.000đ, cộng nợ cũ 39.300.000đ, tổng số tiền nợ là 46.765.000đ. Ngày 05/5/2017, ông S trả 6.065.000đ còn nợ lại 40.700.000đ.

Từ ngày 07/5/2017 đến ngày 07/6/2017, ông S mua cám với số tiền 13.310.000đ, cộng với số tiền nợ cũ là 47.200.000đ, tổng cộng nợ là 60.510.000đ. Ngày 14/6/2017, ông S trả 20.010.000đ còn nợ: 40.500.000đ.

Từ ngày 18/6/2017 đến ngày 25/6/2017, ông S mua số cám thành tiền là 10.200.000đ cộng với số nợ cũ 40.500.000đ, tổng nợ là: 50.700.000đ, ông S trả 2.000.000đ còn lại nợ: 48.700.000đ.

Tính đến ngày 03/8/2017, vợ chồng ông S bà L đã nợ ông H tổng số tiền cám là 51.000.000đ. Ngày 18/8/2018, ông S trả 10.000.000đ; Ngày 20/8/2018, ông S trả 5.000.000đ và ngày 19/9/2018 trả tiếp 2.000.000đ.

Hiện tại vợ chồng ông S và bà L còn nợ ông H số tiền mua cám là 34.000.000đ, ông H đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ chồng ông S khất lần không trả.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S và bà L trả nốt khoản nợ tiền mua cám là 34.000.000đ. Ông không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*/ Đối với ông S và bà L: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông S, bà L nhiều lần nhưng vợ chồng ông S không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh và đến gia đình ông S nhiều lần song chỉ gặp được bà Khuất Thị L là vợ ông S, bà L có ý kiến như sau: Gia đình bà đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bận công việc nên không đến Tòa án giải quyết được.

Về phần nợ, năm 2016 gia đình bà có đầu thầu thuê ao của xã để chăn nuôi, sản xuất và có mua cám chăn nuôi của ông Cấn Văn H ở xã Ph. Tuy nhiên, việc chăn nuôi và lấy cám cụ thể như thế nào thì chỉ có ông S là chồng bà biết, bà không trực tiếp chăn nuôi nên không biết cụ thể, nhưng bà L khẳng định vợ chồng bà vẫn còn nợ tiền cám chăn nuôi của ông H, bà chỉ không biết nợ cụ thể là bao nhiêu.

Bà L cũng đề nghị: Do chăn nuôi dịch bệnh nên mong ông H cho vợ chồng bà khất lại thời gian để gia đình bà trả nợ. Ngoài ra bà L cũng cam kết nhận các giấy tờ của Tòa án và thông báo cho ông S biết để đến Tòa án giải quyết.

Phía ông S là chồng bà L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông S không chấp hành.

Qua xác minh, chính quyền địa phương đã cung cấp: Ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L có hộ khẩu tại Thôn 2, xã Ph. H. Hiện nay ông S và bà L vẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương. UBND xã đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập của Tòa án mời ông S và bà L lên làm việc và đã chuyển cho ông S và bà L theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX buộc ông S, bà L thanh toán trả ông số tiền còn nợ do mua cám chăn nuôi là 34.000.000đ.

*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đã xác định đúng quan hệ

pháp luật tranh chấp, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đương sự: nguyên đơn được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430; 431; 433; Điều 440 của Bộ Luật dân sự: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Cấn Văn H.

Xử: Buộc ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L phải trả cho ông Cấn Văn H số tiền mua cám chăn nuôi là 34.000.000đ.

Về án phí: Ông S và bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Cấn Văn H khởi kiện ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L có hộ khẩu thường trú tại Thôn 2, xã Ph. H, huyện P, Thành phố Hà Nội yêu cầu ông S và bà L trả khoản nợ mua cám chăn nuôi với số tiền còn lại là 34.000.000đ. Đây là tranh chấp Hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản giữa hai cá nhân nên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án về tranh chấp dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Cấn Văn H có cửa hàng bán cám chăn nuôi. Từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2017, vợ chồng ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L có thực hiện giao dịch mua cám chăn nuôi của ông H nhiều lần và có nợ tiền cám. Mỗi lần ông H cung cấp cám thì vợ chồng ông S lại trả một phần tiền và ký sổ chốt số nợ còn lại. Tính đến thời điểm tháng 9 âm lịch năm 2018, ông S, bà L còn nợ số tiền mua cám là 34.000.000đ. Tuy nhiên, ông H đã nhiều lần đến đòi nhưng vợ chồng ông S và bà L không trả. Nay ông H yêu cầu vợ chồng ông S và bà L phải thanh toán trả ông số tiền mua cám còn nợ là 34.000.000đ (*Ba mươi tư triệu đồng*).

Phía ông S, bà L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã đến gia đình ông S nhưng chỉ ghi được lời khai của bà L. Bà L xác nhận: Vợ chồng bà có mua cám chăn nuôi của ông Cấn Văn H ở xã Ph từ năm 2016, đến năm 2018 thì do tình hình chăn nuôi dịch bệnh nên việc chăn nuôi thua lỗ, không trả được tiền cám cho ông H nên ông H cũng không bán cám cho vợ chồng bà nữa. Đến nay, vợ chồng bà vẫn nợ tiền mua cám chăn nuôi của ông H nhưng nợ cụ thể như thế nào và bao nhiêu thì bà không rõ vì lấy cám và trả tiền là do ông S thanh toán.

Điều này cho thấy, việc giao dịch mua bán cám chăn nuôi giữa vợ chồng ông S, bà L với ông H là có thật, việc ông S bà L còn nợ tiền cám của ông H là có thật. Do vậy yêu cầu đòi thanh toán tiền nợ của ông H là căn cứ.

Về việc xác định số tiền nợ: Tuy Tòa án không lấy được lời khai của ông S về việc nợ tiền mua cám chăn nuôi nhưng căn cứ vào sổ sách ghi nợ mà ông H cung cấp cho Tòa án thì thấy rằng: Sổ sách đã ghi rõ ngày tháng năm lấy cám, số tiền đã trả và có chốt lại số tiền còn nợ bao nhiêu, mỗi lần chốt đều có chữ ký của người nhận cám là người trong gia đình ông S, bà L. Ngày chốt sổ cuối cùng ghi rõ ngày 15/9 âm lịch năm 2018, bà L trả 2.000.000đ, đối trừ số nợ cũ là 36.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 34.000.000đ, bà L đã ký chốt nợ. Như vậy, số tiền nợ được xác định là 34.000.000đ (*Ba mươi tư triệu đồng*).

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, cần buộc ông S, bà L phải thanh toán trả ông H số tiền này.

Ông H không yêu cầu tính tiền lãi nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Cấn Văn H.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430; 431; 433; Điều 440; Điều 357, 468 của Bộ Luật dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 26, Điều 35; khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:
Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cấn Văn H.

Buộc ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L phải thanh toán trả cho ông Cấn Văn H số tiền mua cám còn nợ là 34.000.000đ (*Ba mươi tư triệu đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức 20%/năm, nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được xác định là 20%/năm.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L phải chịu 1.700.000đ (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Cấn Văn H số tiền 850.000đ (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0040006 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Cấn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Đỗ Văn S và bà Khuất Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

Đỗ Thị Minh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA